TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21 – 4 – 2023
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thùy Nhiêu
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Hoàng Khởi
Ông Hồ Minh Chí

Thư ký phiên toà: Ông Trần Đình Chưởng - Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 21 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 104/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2023 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Kiều Thị O, sinh năm 1984 (có mặt)
Nơi cư trú: Ấp T, xã Hòa Thành, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
Bị đơn: Ông Võ Trọng K, sinh năm 1985 (vắng mặt)
Nơi cư trú: Ấp T, xã Hòa Thành, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Kiều Thị O trình bày:

Về hôn nhân: Bà với ông Võ Trọng K kết hôn với nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn vào năm 2005 nhưng thất lạc. Đến ngày 06/5/2011 đăng ký kết hôn lại tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, ông K thường xuyên nhậu nhẹt, không quan tâm chăm sóc gia đình, bà đã nhiều lần khuyên nhưng ông vẫn không thay đổi. Vợ chồng đã ly thân từ cuối năm 2016 đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với ông Võ Trọng K.

Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Kiều M, sinh ngày 14/6/2004 và Võ Văn V, sinh ngày 18/02/2011, hiện cháu V đang sống cùng với ông K. Khi ly hôn bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu V, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con. Đối với Võ Kiều M hiện đã trưởng thành, có việc làm ổn định nên bà không yêu cầu xem xét.

Về tài sản chung: Bà O xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà O xác định không nợ ai và không ai nợ lại ông, bà.

Bị đơn là ông Võ Trọng K: Mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để ông K biết tham gia tố tụng tại vụ án, nhưng ông đều vắng mặt và không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của ông đối với yêu cầu của bà O.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Võ Trọng K đến để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên xét xử nhưng ông vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông K theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Bà O và ông K tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau vào ngày 06/5/2011 đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Bà O yêu cầu được ly hôn nên quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp được xác định là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Quá trình chung sống bà O xác định giữa vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, vợ chồng đã ly thân nhau từ cuối năm 2016 đến nay, không còn tình cảm với nhau, bà xác định không thể tiếp tục chung sống với ông K được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông K. Đối với ông K đã biết việc bà O xin ly hôn nhưng không tham gia các phiên họp hòa giải và phiên tòa xét xử, không gửi cho Toà án văn bản ghi ý kiến của mình, không nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh để tự bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo như trình bày của bà O và chấp nhận cho bà O ly hôn với ông K.

[4] Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Kiều M, sinh ngày 14/6/2004 và Võ Văn V, sinh ngày 18/02/2011. Hiện cháu M đã trưởng thành, bà O không đặt ra yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với cháu V, hiện đang sống cùng ông K, khi ly hôn bà O giao cháu Vinh cho ông K tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Ông K không có ý kiến về yêu cầu này của bà O. Cháu Vinh cũng có nguyện vọng được sống cùng cha khi cha mẹ ly hôn và hiện cháu cũng đang sống cùng ông K, để tránh xáo trộn sinh hoạt hàng ngày của cháu nên tiếp tục giao cháu cho ông K trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, ông K không có ý kiến trình bày về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Bà O không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung: Bà O xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà O xác định không có, ông K không tham gia các phiên họp hòa giải và phiên tòa xét xử, không gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình và

gửi các tài liệu kèm theo chứng minh về vấn đề này nên chấp nhận ý kiến của bà O.

[7] Án phí hôn nhân và gia đình, bà O phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51, 53, 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Kiều Thị O ly hôn với ông Võ Trọng K.

2/ Về con chung: Giao con chung tên Võ Văn V, sinh ngày 18/02/2011 cho ông Võ Trọng K trực tiếp nuôi dưỡng, bà Kiều Thị O không cấp dưỡng nuôi con.

Bà O không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

4/ Về nợ chung: Không có.

5/ Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Kiều Thị O phải chịu 300.000đồng. Ngày 23/02/2023, bà O đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo lai thu số 0002890 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu nộp Ngân sách nhà nước toàn bộ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS Tp Cà Mau;
- UBND xã H, Tp. Cà Mau, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thùy Nhiêu